

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thuộc Dự án Khu Trung tâm hành chính xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hà Trung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết định số 41/NQ-HĐND ngày 04/9/2020 của HĐND huyện Hà Trung về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Yên Dương, huyện Hà Trung;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thuộc Dự án Khu Trung tâm hành chính, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tại Thông báo kết quả thẩm định số 3498/STNMT-BVMT ngày 11/5/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 218/CV-BQLDA ngày 20/5/2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng - UBND huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 616/Tr-STNMT ngày 26/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thuộc Dự án Khu trung tâm hành chính, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hà Trung

(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Trung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thuộc Dự án Khu
trung tâm hành chính, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thuộc Dự án Khu trung tâm hành chính, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Chủ dự án: UBND huyện Hà Trung

- Đại diện Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung

- Người đại diện: Nguyễn Công Khanh.

- Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 98.900,0 m²; quy mô sử dụng đất như sau: Đất ở chia lô: 31.331,3 m²; đất biệt thự: 12.329,1 m²; đất công viên, cây xanh: 5.604,26 m²; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 49.635,36 m².

- Các hạng mục xây dựng gồm: San nền toàn bộ diện tích thực hiện dự án; Hệ thống đường giao thông; cấp nước và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; cấp điện, chiếu sáng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 5,5 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,75 m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,45m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,30 m³/ngày); thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải vệ sinh thiết bị máy móc phát sinh khoảng 8,0m³/ngày (nước thải từ quá trình rửa bồn trộn bê tông có khoảng 3,0 m³/ngày, nước thải rửa thiết bị khoảng 5,0 m³/ngày); thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng; thi công nhựa bán thấm,... thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: đất bóc phong hóa 58.492,9 m³; vật liệu rời rơi vãi (cát, đất, bê tông, đá,...) có tổng khối lượng khoảng 3.408,0 tấn; vật liệu khác (bao bì xi măng, vụn sắt thép, gỗ ván hỏng,...) có tổng khối lượng khoảng 45,3 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 10 kg/đợt thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy thải với lượng khoảng 14,0 lít/tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư thuộc dự án là 259,2 m³/ngày.đêm (nước thải nhà vệ sinh: 77,8 m³/ngày.đêm; nước thải tắm giặt: 103,7 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 77,8 m³/ngày.đêm); thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh do phương tiện ra vào dự án; hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung; thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃; H₂S...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 1.620 kg/ngày, lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa trong khu dân cư).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, dẻ lau dính dầu mỡ, hộp dầu mỡ,... với khối lượng khoảng 18,0 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra..

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ

đất, cát, rác thải vương vãi...; thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay được thu gom và đưa về hố lắng có thể tích $3,0\text{m}^3$ (kích thước: dài x rộng x sâu: $2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) để lắng và sau đó thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom bằng 05 nhà vệ sinh di động (kích thước mỗi nhà: $1.800\text{ mm} \times 1.350\text{ mm} \times 2.600\text{ mm}$; bể chứa chất thải: 500 lít; bể chứa nước dự trữ: 400 lít); định kỳ 02 ngày/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút đi xử lý theo quy định.

- Nước thải nhà bếp được đưa về 01 bể gạt dầu mỡ, đồng thời là bể lắng có thể tích $1,0\text{ m}^3$ (kích thước: dài x rộng x cao = $1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) và thải ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng tạm, thể tích $5,0\text{ m}^3$ (kích thước D x R x H = $2,5 \times 2,0 \times 1,0\text{m}$) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm tại khu vực lán trại, một phần tái sử dụng, một phần thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng thêm vào những ngày nắng, nóng, khô hanh; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển gần dự án với phạm vi 500 m về hai phía.

- Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt; sử dụng rào tôn xung quanh phần diện tích đất thi công xây dựng.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng đựng rác thải loại 50 lít/thùng để thu gom rác thải sinh hoạt tại khu lán trại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Bùn, đất đào hữu cơ được vận chuyển đổ thải tại bãi đất hoang hóa thuộc xã Yên Dương, huyện Hà Trung (diện tích $10,0\text{ ha}$, dung tích chứa bãi thải lớn nhất 100.000 m^3).

- Thảm phủ thực vật và một số chất thải rắn không tái chế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn như: đất, đá thải, gạch, ... được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các dự án khác trong khu vực.

- Chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... có thể tái chế sẽ được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 01 thùng có dung tích 200 lít có dán nhãn để chứa chất thải rắn nguy hại; 01 thùng phuy có dung tích 200 lít có dán nhãn để chứa chất thải lỏng nguy hại. Các thùng đựng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán trại. Định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Đối với Chủ đầu tư/Đối với Chính quyền địa phương:

- Quản lý việc xây dựng công trình xử lý nước thải sơ bộ tại các hộ gia đình gồm: bể tự hoại xử lý nước thải vệ sinh, bể tách dầu mỡ xử lý nước thải nhà ăn, lưới chắn rác xử lý nước thải tắm giặt và đầu nối vào vị trí chờ trên mương thu gom nước thải do chủ đầu tư xây dựng.

- Khơi thông, nạo vét hệ thống thoát nước mưa cống D300 - D1200 với tổng chiều dài 3.624 m và 284 hố ga; đảm bảo tiêu thoát nước mưa phát sinh từ dự án ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đầu nối toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh từ các hộ dân về hệ thống thoát nước mưa, nước thải chung của dự án.

- Vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, công suất 260 m³/ngày đêm, đặt tại khu vực khuôn viên cây xanh phía Nam. Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận (sông Hoạt).

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

b. Đối với các hộ gia đình:

- Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của các hộ gia đình; bể tách dầu mỡ để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp; nước thải tắm rửa giặt giũ được xử lý qua các bể lắng.

- Đầu nối toàn bộ nước thải của các hộ gia đình về hệ thống thoát nước thải chung của dự án. Sau đó, nước thải này sẽ được xử lý tiếp bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, công suất 260 m³/ngày đêm để xử lý tiếp.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

a. Đối với Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải của dự án.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu bụi bay bốc theo bánh xe.

- Kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn trong quá trình xây dựng trong khu dân cư theo các quy định hiện hành của pháp luật.

b. Đối với các hộ gia đình:

- Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...;

- Khi thi công xây dựng công trình nhà ở, phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải và đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

- Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho các hộ gia đình, tổ chức quản lý các công trình công cộng.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hố gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 06 tháng/lần.

- Bố trí 01 khu tập kết chất thải rắn chung của dự án có diện tích 100 m², đặt tại khu vực phía Nam có rãnh thu gom nước mưa bề mặt dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung của dự án. Chất thải rắn được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại CTR tại nguồn cho người dân trong khu dân cư.

b. Đối với các hộ gia đình: Bố trí thùng chứa rác thải và phân loại, tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Đối với Chủ đầu tư/Chính quyền địa phương:

- Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho chủ các khu nhà dân và khu thương mại dịch vụ.

- Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách đến khu vực để thu gom CTNH chuyên vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

b. Đối với các hộ gia đình: Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, không được để lẫn lộn cùng rác thải sinh hoạt; tập kết tại điểm tập kết chung của xã Yên Dương theo đúng quy định để hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí trong quá trình xây dựng

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần
- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Vị trí giám sát:
 - + KK1: Vị trí khu vực thi công dự án;
 - + KK2: Khu vực lán trại của công nhân.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
 - + QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát nước thải trong quá trình hoạt động

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần
- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, tổng N, tổng P, hàm, Coliform.
- Vị trí giám sát: 02 mẫu nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải vào nguồn tiếp nhận
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.